

ĐỀ ÁN

**Đầu tư, phát triển toàn diện chất lượng dạy và học
tại 08 xã biên giới: Lộc Thành, Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Tân Tiến,
Thiện Hưng, Hưng Phước, Đắk Ô, Bù Gia Mập trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**
(Kèm theo Quyết định phê duyệt Đề án đầu tư, phát triển toàn diện chất lượng
dạy và học tại 08 xã biên giới: Lộc Thành, Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Tân Tiến,
Thiện Hưng, Hưng Phước, Đắk Ô, Bù Gia Mập trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Tỉnh Đồng Nai có diện tích tự nhiên 12.737,2 km², dân số trên 4,4 triệu người, gồm 95 xã, phường, trong đó có 08 xã biên giới tiếp giáp Vương quốc Campuchia (Lộc Thành, Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Tân Tiến, Thiện Hưng, Hưng Phước, Đắk Ô, Bù Gia Mập). Trong những năm qua Đảng và Nhà nước tập trung mọi nguồn lực để đầu tư nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã biên giới; tuy nhiên hệ thống trường lớp nội trú, bán trú, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa được đầu tư đồng bộ, đội ngũ giáo viên thiếu và chưa đồng đều, chất lượng giáo dục và đào tạo ở các xã biên giới vẫn còn thấp so với mặt bằng chung cả tỉnh, đời sống người dân còn khó khăn, tỷ lệ học sinh bỏ học còn cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ còn thấp. Địa bàn rộng, dân cư phân tán, giao thông đi lại khó khăn. Thiếu cơ sở giáo dục đào tạo nghề tại chỗ và ngành nghề phù hợp với đặc thù vùng biên giới.

Vì vậy, cần có một đề án mang tính chiến lược, tổng thể, dài hạn, bám sát các định hướng của Trung ương và địa phương, qua đó tập trung mọi nguồn lực, cả hệ thống chính trị để đầu tư, phát triển toàn diện chất lượng dạy và học các cấp học, giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào vùng biên giới, góp phần củng cố vững chắc quốc phòng và an ninh tại các xã biên giới.

II. CĂN CỨ BAN HÀNH ĐỀ ÁN

- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014.
- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

4. Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

5. Thông báo Kết luận số 81-TB/TW ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới.

6. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

7. Công văn số 17206-CV/VPTW ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc triển khai xây dựng trường nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới.

8. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

9. Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

10. Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

11. Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030.

12. Công văn số 6725/VPCP-KGVX ngày 20 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị tại Thông báo số 81-TB/TW về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới.

13. Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non.

14. Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông.

15. Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên.

16. Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

17. Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục.

18. Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

19. Công văn số 4408/BGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất danh mục xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học - trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền.

20. Công văn số 4744/BGDĐT-KHTC ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác nhận danh mục các trường học đầu tư năm 2025, hoàn thành năm 2026, thực hiện kết luận của Bộ Chính trị tại Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18 tháng 7 năm 2025 về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới.

21. Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức dạy 02 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông.

22. Công văn số 632-CV/TU ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấp thuận chủ trương ban hành Quyết định phê duyệt Đề án đầu tư, phát triển toàn diện chất lượng dạy và học tại 08 xã biên giới.

23. Công văn số 422-CV/TU ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Tỉnh ủy về việc xây dựng trường nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới.

24. Thông báo số 16-TB/VPTU ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc Thông báo Kết luận của đồng chí Huỳnh Thị Hằng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tại buổi làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 81-TB/TW của Bộ Chính trị.

25. Thông báo số 34-TB/VPTU ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc Thông báo kết luận của đồng chí Huỳnh Thị Hằng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về tiến độ triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 81-TB/TW của Bộ Chính trị.

26. Thông báo số 46-TB/VPTU ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Tỉnh ủy về kết luận của đồng chí Huỳnh Thị Hằng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW của Bộ Chính trị.

27. Thông báo số 10-TB/VPTU ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Tỉnh ủy về kết luận của đồng chí Huỳnh Thị Hằng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về tiến độ triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW của Bộ Chính trị.

28. Công văn số 206-CV/ĐU ngày 01 tháng 9 năm 2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 34-TB/VPTU ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng Tỉnh ủy.

29. Công văn số 207-CV/ĐU ngày 01 tháng 9 năm 2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới.

30. Công văn số 1536-CV/ĐU ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Công văn số 632-CV/TU ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Thường trực Tỉnh ủy.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN CÁC CẤP HỌC, CƠ SỞ VẬT CHẤT, CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

I. MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, SỐ HỌC SINH

1. Số trường: Trên địa bàn 08 xã biên giới có 69 cơ sở giáo dục (trong đó có 21 trường mầm non, 15 trường tiểu học, 16 trường có cấp trung học cơ sở, 04 trường có cấp trung học phổ thông, 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX), 08 trung tâm học tập cộng đồng và 04 trung tâm ngoại ngữ). Cụ thể:

Trường	Tổng số trường	Số điểm lẻ	Trong đó	
			Trường công lập	Trường tư thục
Mầm non	21	17	17	04
Tiểu học	15	11	15	
Tiểu học và Trung học cơ sở	10	9	10	
Trung học cơ sở	06		06	
Trung học cơ sở và trung học phổ thông	02		02	
Trung học phổ thông	02		02	
Trung tâm GDNN-GDTX	01			

Trung tâm học tập cộng đồng	08			
Trung tâm Ngoại ngữ	04			04
Tổng cộng	69		61	08

Phụ lục I: Số điểm trường cấp mầm non, tiểu học 08 xã biên giới (*đính kèm*).

2. Quy mô lớp, số học sinh (HS), tỷ lệ số HS/lớp, tỷ lệ học sinh dân tộc

Cấp học	Số lớp	Số học sinh	Tỷ lệ HS/lớp	Số học sinh dân tộc	Tỷ lệ học sinh dân tộc
Mầm non	200	5.376	26,88	1.442	26,82
Tiểu học	490	12.937	26,40	4.327	33,45
THCS	239	9.332	39,04	2.448	26,66
THPT	75	2.564	34,18	488	19,02
GDTX	6	142	23,67	21	14,78

Phụ lục II: Quy mô trường lớp, số học sinh tại 08 xã biên giới (*đính kèm*).

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN CÁC CẤP HỌC

1. Cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV): Có 2.039 người, trong đó cán bộ quản lý là 159, giáo viên là 1.757, nhân viên là 393.

Số lượng/ Cấp học	CBQL	Giáo viên	Nhân viên	Giáo viên người DTTS
Mầm non	55	427	164	66
Tiểu học	59	682	115	87
THCS	32	475	88	39
THPT	12	160	22	10
GDTX	01	13	04	04
Tổng	159	1.757	393	206

2. Tỷ lệ giáo viên/lớp: Đối với cấp mầm non 2,13; cấp tiểu học 1,39; cấp trung học cơ sở 2,18 (tính chung trường phổ thông dân tộc nội trú); cấp trung học phổ thông 2,16.¹

Phụ lục III: Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cấp học (*đính kèm*).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Tính đến tháng 7/2025, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học, có 33/52 (63,46%) trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, cụ thể từng cấp học như sau:

Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		Trung học phổ thông	
SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
11/17	64,70%	9/15	60,0%	10/16	62,5%	03/04	75,0%

Phụ lục IV: Số lượng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2025, đề xuất công nhận đạt chuẩn đến năm 2030 (*đính kèm*).

IV. TỔ CHỨC BÁN TRÚ CHO TRẺ EM VÀ HỌC SINH NĂM HỌC 2024 - 2025 VÀ NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Đối với cấp học mầm non

a) Năm học 2024 - 2025, có 20/21 trường đã tổ chức bán trú cho trẻ, với số trẻ ăn bán trú tại trường là 4.336/5.376 trẻ (tỷ lệ 80,65%), gồm 16 trường công lập và 04 trường tư thục. Trường Mẫu giáo Hoa Hồng xã Bù Gia Mập chưa tổ chức bán trú do tỷ lệ đăng ký học bán trú thấp nhà trường không bảo đảm được quy mô tối thiểu để tổ chức. Năm học 2025 - 2026, có 20/21 trường mầm non tổ chức ăn bán trú với số trẻ 4.185/5.151 trẻ (tỷ lệ 81,24%).

b) Tỷ lệ trẻ học bán trú tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn 08 xã biên giới đạt tỷ lệ khá cao cho thấy sự đồng thuận và tin tưởng của cha mẹ trẻ đối với nhà trường. Hệ thống trường công lập giữ vai trò nòng cốt, có điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ và quy trình vận hành bếp ăn tương đối hoàn thiện. Trẻ được ăn, nghỉ tại trường giúp giảm gánh nặng đưa đón, tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn nhiều khó khăn do đặc thù địa bàn biên giới với dân cư

¹ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

(1) Đối với giáo viên các trường tiểu học công lập

- Trường tiểu học được bố trí tối đa 1,5 giáo viên/lớp đối với lớp học 02 buổi/ngày, bố trí tối đa 1,2 giáo viên/lớp đối với lớp học 01 buổi/ngày.

(2) Đối với giáo viên các trường trung học cơ sở công lập

- Trường trung học cơ sở được bố trí tối đa 1,9 giáo viên/lớp.

- Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở và trường dành cho người khuyết tật cấp trung học cơ sở được bố trí tối đa 2,20 giáo viên/lớp.

(3) Đối với giáo viên tại các trường trung học phổ thông công lập

- Trường trung học phổ thông được bố trí tối đa 2,25 giáo viên/lớp.

phân tán, giao thông đi lại khó khăn, kinh tế hộ gia đình còn bấp bênh nên khả năng chi trả cho bữa ăn bán trú hạn chế, một bộ phận phụ huynh vẫn giữ thói quen đưa con về nhà ăn buổi trưa.

2. Đối với cấp tiểu học

a) Năm học 2024 - 2025, có 04/25 trường tổ chức bán trú với số học sinh 663/12.976 (tỷ lệ 5,1%). Năm học 2025 - 2026, có 04/25 trường tổ chức bán trú với số học sinh 416/12.914 (đạt tỷ lệ 3,22%).

b) Số trường tổ chức bán trú rất thấp so với nhu cầu thực tế vì đối với học sinh tiểu học, thực hiện chương trình 02 buổi/ngày việc được ở lại trường ăn bữa trưa, nghỉ ngơi để buổi chiều tham gia học tiếp, giảm áp lực về việc đưa đón của phụ huynh và đảm bảo sức khỏe cho học sinh là nhu cầu hết sức chính đáng và cần thiết. Tuy nhiên, đa số phụ huynh học sinh có đời sống và kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn, không có tiền để cho con tham gia bữa ăn bán trú. Hiện nay, Nhà nước chưa có chính sách hỗ trợ nên phụ huynh học sinh phải đưa đi, đón về trong buổi; số ít học sinh tự mang cơm, đồ ăn theo để dùng bữa trưa và tự quản tại trường cũng gặp không ít trở ngại cho cả học sinh, phụ huynh và nhà trường. Cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu bán trú cho học sinh.

c) Qua khảo sát nhu cầu bán trú cho trẻ em và học sinh² khi các nhà trường đảm bảo các điều kiện tổ chức bán trú và trẻ em, học sinh được nhà nước hỗ trợ tiền ăn buổi trưa. Số lượng trẻ em và học sinh có nhu cầu đăng ký rất cao và được sự đồng tình của phụ huynh học sinh.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

a) Đối với giáo dục mầm non:

- Trong những năm qua, mạng lưới trường, lớp tại các xã biên giới được quan tâm đầu tư, mở rộng và từng bước hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ em trong khu vực 08 xã biên giới hiện có 21 trường mầm non, mẫu giáo, với 5.376 trẻ ra lớp, trong đó có 1.442 trẻ em dân tộc thiểu số, chiếm 26,82%. Về chất lượng cơ sở vật chất, hiện có 11/21 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 52,38% (trong đó trường mầm non công lập 11/17 trường đạt tỷ lệ 64,70%). Các trường mầm non công lập còn lại đang được địa phương và ngành giáo dục tập trung nguồn lực để hoàn thiện tiêu chí, phấn đấu đạt chuẩn trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Đội ngũ giáo viên tại các xã biên giới cơ bản đã được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, với tỷ lệ đạt 94,20%. Đây là mức cao so với mặt bằng chung của khu vực miền núi, biên giới, thể hiện sự quan tâm trong công tác tuyển dụng, bồi dưỡng và đào tạo lại giáo viên của ngành giáo dục.

- Chất lượng giáo dục: Trong những năm qua, chất lượng giáo dục mầm non ở các xã biên giới từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng

² Khảo sát nhu cầu bán trú: Cấp học mầm non có 17/17 trường (không tính trường tư thục), với tỷ lệ trẻ em đạt 85,27%; tiểu học 25/25 trường, với tỷ lệ học sinh đăng ký 65,4%; cấp trung học cơ sở có 14/17 trường, tỷ lệ học sinh đăng ký 47,2% (các trường không đăng ký gồm Trường Trung học cơ sở Thanh Bình, xã Thiện Hưng; Trường Trung học cơ sở Bù Đốp, xã Thiện Hưng; Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tân Tiến, xã Tân Tiến).

và giáo dục trẻ. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch; đặc biệt, trẻ 05 tuổi ra lớp đạt 97,8%, góp phần duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi. Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đảm bảo đúng quy trình, chế độ sinh hoạt khoa học, hợp lý; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi giảm qua từng năm. Chương trình giáo dục mầm non được triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, chú trọng phát triển toàn diện cho trẻ cả về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Trẻ em dân tộc thiểu số được quan tâm tăng cường tiếng Việt, tạo tiền đề vững chắc cho việc học tập ở các bậc học tiếp theo. Đội ngũ giáo viên tích cực đổi mới phương pháp, ứng dụng hiệu quả các phương tiện, học liệu, tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm, giúp trẻ mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp và tham gia các hoạt động.

b) Đối với giáo dục phổ thông:

- Quy mô, mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học.

- Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn cao, đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; yêu nghề, trách nhiệm với công việc, vượt qua khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Chất lượng giáo dục đại trà tương đối đồng đều giữa các cơ sở giáo dục. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99% (cấp tiểu học); 99,05% (cấp trung học cơ sở); 98,04% (cấp trung học phổ thông). Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 99,6%³ (bình quân của tỉnh 99,66%); tỷ lệ học sinh đậu đại học, cao đẳng và trung cấp nghề ngày càng tăng⁴.

c) Đối với giáo dục nghề nghiệp:

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên khu vực 15 đã mở nhiều lớp đào tạo ngắn hạn ngay tại xã, phù hợp đặc thù địa phương.

- Nhiều xã đạt chỉ tiêu đào tạo nghề hàng năm, thu hút đông học viên ở nhóm nghề nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ biên giới; đối tượng đa dạng, gồm thanh niên, lao động trung niên, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Học viên thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số được miễn/giảm học phí, hỗ trợ tài liệu, đồ nghề, tiền ăn, đi lại đầy đủ theo quy định hiện hành.

- Nhiều lao động áp dụng kỹ thuật mới, nâng năng suất, tăng thu nhập; xuất hiện nhóm sản xuất, tổ hợp tác sau đào tạo ở các xã Lộc Thành, Lộc Tấn, Hưng Phước.

d) Đối với công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:

- Các địa phương luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trong đó nhiệm vụ công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đã

³ Trường Trung học phổ thông Đắk Ô, Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tân Tiến đạt tỷ lệ tốt nghiệp 100%; Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đắk Mai: 98,55%; Trường Trung học phổ thông Thanh Hòa: 99,43%; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực 15: 84,21% (tỷ lệ tốt nghiệp bình quân 99,6%, thấp hơn tỉnh 0,06%).

⁴ Tỷ lệ đậu đại học, cao đẳng, trung cấp 05 cơ sở giáo dục trên địa bàn 08 xã biên giới: Năm 2025 trên 75%.

được cụ thể hóa vào nghị quyết, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các cấp được thành lập và củng cố, kiện toàn theo đúng quy định, chất lượng hoạt động ngày một nâng cao.

- Hệ thống trường học các cấp hầu như phủ khắp địa bàn, được đầu tư theo hướng kiên cố hóa và đảm bảo các điều kiện giảng dạy đã tạo thuận lợi và thu hút tuyệt đại đa số đối tượng trong độ tuổi đến trường. Cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học tương đối đáp ứng yêu cầu. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được tăng cường về số lượng, loại hình và chất lượng đào tạo; thường xuyên được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nhằm củng cố, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Có sự phối hợp đồng bộ của các ban, ngành, đoàn thể ở các địa phương trong quá trình thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Các trung tâm học tập cộng đồng tổ chức hoạt động đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân trên địa bàn.

- Kết quả về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ nhìn chung thực hiện khá tốt. Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1.

đ) Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện thuộc tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập) đã tập trung đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung đội ngũ quản lý, giáo viên đảm bảo đến năm 2025 có 70% trường đạt chuẩn quốc gia⁵. Tính đến 30/6/2025, có 33/52 (đạt 63,46%) trường công lập trên 08 xã biên giới đạt chuẩn quốc gia, thấp hơn 3,8% tỷ lệ chung tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập). Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, đề ra các giải pháp cụ thể nhằm đạt chỉ tiêu trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2030. Đối với các trường đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

2. Khó khăn, hạn chế

a) Khó khăn chung:

- Đội ngũ công chức phụ trách Phòng Văn hóa - Xã hội đa số chưa từng công tác trong ngành giáo dục, chưa am hiểu sâu rộng về lĩnh vực giáo dục; số lượng công chức phụ trách giáo dục chưa đồng đều, dẫn đến khó khăn trong quản lý, triển khai công tác chuyên môn đến các cơ sở giáo dục⁶.

- Khó tuyển dụng giáo viên đối với các môn Tin học, Tiếng Anh, Âm nhạc, Mĩ thuật do thiếu nguồn tuyển.

⁵ Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước: Đến năm 2025 có 70% trường công lập đạt chuẩn quốc gia. Tính đến ngày 30/6/2025 tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập) có 263/391 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 67,26%; trong đó mầm non: 75,6%; tiểu học: 61,78%, Trung học cơ sở 61,11%; Trung học phổ thông là 75,67%).

⁶ Trên địa bàn 08 xã biên giới có 03 xã gồm Lộc Tấn, Đăk Ô, Tân Tiến có công chức phụ trách lĩnh vực giáo dục đã từng công tác trong ngành giáo dục.

- Đời sống người dân các xã biên giới, vùng dân tộc thiểu số vẫn còn khó khăn so với mặt bằng chung cả tỉnh⁷.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học còn cao⁸, tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông học tiếp lên cấp học cao hơn còn thấp⁹.

- Cơ sở vật chất tại các trường có cấp tiểu học chưa đảm bảo cho tổ chức bán trú cho học sinh.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, các trung tâm ngoại ngữ tin học¹⁰ chưa đầu tư, mở rộng để đáp ứng nhu cầu học tập.

- Nhiều cơ sở giáo dục có nhiều điểm lẻ, nhiều điểm lẻ cách xa điểm chính dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng trẻ và nâng cao chất lượng các cấp học.

b) Đối với giáo dục mầm non: Một số điểm trường lẻ nằm rải rác, chưa đủ phòng học kiên cố, một số nhóm lớp chưa có nhà vệ sinh khép kín; đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học trong lớp, ngoài trời chưa đủ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 và Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn vẫn chiếm khoảng 5,8% nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện đi lại, cơ hội học tập nâng cao trình độ còn hạn chế.

c) Đối với giáo dục phổ thông:

- Cơ sở vật chất hiện tại chưa đảm bảo cho tổ chức bán trú; trang thiết bị dạy học còn thiếu, chưa đồng bộ¹¹.

- Thiếu cán bộ quản lý: Cấp tiểu học thiếu 04 Phó Hiệu trưởng (Trường Tiểu học Bù Gia Mập: 01 người; Trường Tiểu học Lộc Tấn A: 01 người; Trường Tiểu học Lộc Tấn B: 01 người; Trường Tiểu học Thanh Bình B: 01 người). Cấp trung học cơ sở thiếu 02 Phó Hiệu trưởng (Trường Tiểu học và trung học cơ sở Lộc Thiện và Trường Trung học cơ sở Tân Thành). Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực 15 thiếu 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc.

- Thiếu đội ngũ giáo viên: Đội ngũ giáo viên tiểu học của 08 xã biên giới chưa đảm bảo tỷ lệ để tổ chức cho 100% các trường tiểu học dạy học 02 buổi/ngày; trình độ đào tạo, cơ cấu không đồng đều, đặc biệt thiếu đội ngũ giáo viên dạy môn Tin học và Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật. Cấp tiểu học thiếu 95 giáo viên (trong đó, Tiếng Anh là 35, Mỹ thuật 01, Âm nhạc 05, Tin học 07, Giáo dục thể chất 03; giáo viên cơ bản 44). Cấp trung học cơ sở thiếu 31 giáo viên (Âm nhạc 07, Công

⁷ Theo Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm) Xã Bù Gia Mập 29; Đăk Ô 53; Hưng Phước 67; Tân Tiến 65; Lộc Thành gần 67; Lộc Tấn 75; Lộc Thạnh 54; Thiện Hưng 80.

⁸ Tỷ lệ bỏ học: Cấp trung học cơ sở 0,01% thấp hơn bình quân của tỉnh (tỉnh 0,14%). Tuy nhiên số học sinh dân tộc thiểu số bỏ học cao hơn 0,18% tỷ lệ của tỉnh; cấp trung học phổ thông tỷ lệ bỏ học 0,84% cao hơn 0,59% (tỉnh 0,25%)

⁹ Tỷ lệ học sinh THCS học lên cấp THPT 85,3%, học trung cấp 6,7%, nghỉ học: 8,0%; cấp THPT theo học đại học, cao đẳng, trung cấp đạt 75%.

¹⁰ Trên địa bàn 08 xã biên giới có 03 xã có trung tâm ngoại ngữ: Xã Thiện Hưng: 02 trung tâm (16 lớp/200 học viên); xã Tân Tiến: 01 (12 lớp/200 học viên); xã Đăk Ô: 01 (09 lớp/120 học viên). Các xã còn lại không có trung tâm ngoại ngữ.

¹¹ Thiết bị dạy học tối thiểu theo Chương trình GDPT 2018 chưa được cấp (trừ lớp 1).

nghệ 02, Toán 03, Tin học 02, Giáo dục công dân 02, Tiếng Anh 05, Ngữ văn 05, Mĩ thuật: 02, Khoa học tự nhiên 02, Lịch sử 01). Cấp trung học phổ thông thiếu 13 giáo viên (Âm nhạc 05, Mĩ thuật 02; Công nghệ 02; Tiếng Anh 02; Giáo dục thể chất 01; Giáo dục quốc phòng và an ninh 01).

- Học sinh dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, tại các trường, điểm trường có cấp tiểu học. Học sinh tại một số trường, điểm trường chưa tổ chức được lớp học 02 buổi/ngày cho tất cả các khối lớp và chưa tổ chức bán trú cho học sinh. Học sinh vùng dân tộc thiểu số vào học lớp 1, giáo viên phải mất nhiều thời gian trong những tháng đầu của năm học để dạy tiếng Việt và nhận biết chữ cái và chữ số.

- Chất lượng giáo dục có cải thiện qua hàng năm nhưng vẫn thấp hơn mặt bằng chung cả tỉnh (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực 15 có tỷ lệ đậu tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 84,2%, tỉnh 92,65%); Trường Trung học cơ sở và trung học phổ thông Đắk Mai có điểm trung bình môn thi tốt nghiệp đều thấp hơn bình quân của tỉnh.

- Trường Trung học cơ sở và trung học phổ thông Đắk Mai có diện tích chưa đảm bảo quy định trường chuẩn quốc gia, số phòng học chưa đảm bảo cho dạy 02 buổi/ngày.

d) Đối với giáo dục nghề nghiệp:

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên với ngành nghề đào tạo chưa đa dạng, ít gắn với nhu cầu của doanh nghiệp; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, thực hành còn hạn chế.

- Đội ngũ giáo viên còn thiếu và chưa đồng đều về chất lượng, việc thu hút giáo viên có năng lực về công tác còn gặp nhiều khó khăn, do điều kiện làm việc, thu nhập vùng biên giới chưa đáp ứng được nhu cầu của đời sống.

đ) Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:

- Công tác điều tra, thống kê số liệu, thông tin về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ gặp nhiều khó khăn do tình trạng người lao động di cư, trẻ em chuyển trường đến nơi làm việc của cha mẹ; quá trình cập nhật số liệu về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ở nhiều địa phương còn chậm, một số địa phương gặp khó khăn trong lựa chọn phần mềm, công cụ lưu, quản lý dữ liệu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Một số trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng tối đa nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. QUAN ĐIỂM

Tiếp tục quán triệt các quan điểm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện

giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030; Kết luận số 81-TB/TW ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Trong đó, nhấn mạnh, tập trung các quan điểm chỉ đạo sau:

1. Đầu tư, phát triển toàn diện chất lượng dạy và học tại các xã biên giới phải phù hợp với Kế hoạch tổng thể về phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 và cần được ưu tiên trong các chương trình, kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn lực khác, tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia, đóng góp đầu tư xây dựng trường nội trú/bán trú đáp ứng nhu cầu học tập con em trên địa bàn các xã biên giới, góp phần nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục.

3. Tập trung đầu tư và phát triển toàn diện chất lượng dạy và học, trong đó xây dựng hệ thống trường nội trú/bán trú theo từng giai đoạn nhằm đạt hiệu quả thật sự và phù hợp với quy mô dân số, địa bàn dân cư, phong tục tập quán của người dân, không đầu tư dàn trải phát triển theo phong trào. Đảm bảo mọi trẻ em, học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người dân tại các xã biên giới đều được tiếp cận cơ hội và hưởng lợi từ các chính sách phát triển giáo dục, đầu tư cho các xã biên giới.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Đầu tư, phát triển toàn diện chất lượng dạy và học các cấp học, đào tạo nghề tại 08 xã biên giới: Lộc Thành, Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Tân Tiến, Thiện Hưng, Hưng Phước, Đăk Ô, Bù Gia Mập nhằm góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thu hẹp khoảng cách về điều kiện học tập, cơ hội tiếp cận công nghệ thông tin, ngoại ngữ giữa trẻ em, học sinh vùng biên giới với các khu vực thành thị, đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh và giảm nghèo bền vững.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030, định hướng đến năm 2045

a) Giáo dục mầm non:¹²

- Phân đầu đạt 98% trẻ 05 tuổi ra lớp trở lên; trẻ 03 - 04 tuổi đạt từ 85%.
- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, tiến tới phổ cập cho trẻ 03 tuổi, 04 tuổi.

¹² Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đối với giáo dục mầm non có 65% trường đạt chuẩn quốc gia. Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2025 - 2030: Có 80% trường đạt chuẩn quốc gia.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi ở trẻ mầm non xuống dưới 5% vào năm 2030.
- 100% trường mầm non có đủ phòng học kiên cố; có ít nhất 80% trường công lập đạt chuẩn quốc gia.
- 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019, nâng cao năng lực dạy học tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số.
- Phần đầu có 99,5% trẻ em mầm non đến trường được học 02 buổi/ngày, 100% trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; phát triển đồng bộ các lĩnh vực thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ; trẻ dân tộc thiểu số tự tin, mạnh dạn khi vào lớp 1.

b) Giáo dục phổ thông:

- Duy trì vững chắc 100% xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phần đầu 100% xã đạt phổ cập trung học cơ sở mức độ 3¹³.
- Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt trên 99%, cấp trung học cơ sở đạt 97% và trên 90% trẻ em trong độ tuổi 06 - 18 bị khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đúng độ tuổi đạt 99%, trung học cơ sở đạt 99% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 95%; phần đầu tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,5%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%.
- Phần đầu 100% giáo viên phổ thông đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.
- Phần đầu 100% trường phổ thông có đủ số phòng học kiên cố phục vụ cho dạy và học.
- Phần đầu có ít nhất 80% trường tiểu học, 80% trường trung học cơ sở và 100% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia¹⁴.
- Phần đầu 100% trường có cấp tiểu học tổ chức học 02 buổi/ngày và tổ chức bán trú cho học sinh.
- Phần đầu 100% trường học có cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông tổ chức dạy 02 buổi/ngày, trong đó có 80% trường có tổ chức bán trú.
- 100% trường có cấp tiểu học tổ chức triển khai thực hiện chương trình làm quen Tiếng Anh, Tin học tự chọn đối với học sinh lớp 1, 2.
- 100% các trường xây dựng và tổ chức hiệu quả mô hình câu lạc bộ Tiếng Anh.

¹³ Năm 2024, toàn tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập) đạt chuẩn phổ cập tiểu học mức độ 3 và đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 2.

¹⁴ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đối với Trường đạt chuẩn quốc gia: Chỉ tiêu trường chuẩn quốc gia cấp tiểu học phần đầu đạt 70%, THCS đạt 75%, THPT đạt 55%;

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2025 - 2030: Chỉ tiêu trường chuẩn quốc gia đạt phần đầu 80% trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tính đến tháng 7/2025, Số trường chuẩn quốc gia 08 xã biên giới: cấp tiểu học 60%; THCS đạt 62,5%; THPT đạt 75%.

- Phân đầu mỗi xã biên giới có ít nhất 01 trường nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở với diện tích tối thiểu từ 05 - 10ha/trường và phải đảm bảo về cơ sở vật chất đạt mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên¹⁵:

- Phân đầu xóa mù chữ cho 0,5% người lớn chưa biết chữ, trong đó xóa mù chữ cho 0,4% người lớn trong độ tuổi từ 15 - 60.

- Phân đầu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt trên 98%, trong đó tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt từ 95,0% trở lên¹⁶.

- Phân đầu trên 30% xã được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 1; 20% xã được công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 2.

- Phân đầu 100% học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông được tiếp cận dịch vụ hướng nghiệp và tư vấn nghề nghiệp chuyên nghiệp.

- Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi 15 - 25 học giáo dục nghề nghiệp đạt 20%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường lãnh đạo của Đảng; nâng cao nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị cho đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo tại các xã biên giới

Các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Đề án, đồng thời tổ chức tuyên truyền đảm bảo sự đồng thuận của người dân; đưa nội dung này vào nghị quyết, chương trình công tác cấp ủy, chính quyền các cấp. Chỉ đạo, thành lập đầu mối chuyên trách, tổ chức hội nghị quán triệt và tập huấn định kỳ cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã, Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn các cơ sở giáo dục; xây dựng bộ tiêu chí giám sát, đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá cán bộ quản lý các cấp.

2. Rà soát, sắp xếp trường, lớp, xây dựng trường học nội trú/bán trú; các trung tâm thực hiện chức năng về giáo dục thường xuyên; xây dựng cơ chế vận hành

a) Rà soát hiện trạng, trường lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh, điều kiện tự nhiên, địa bàn, phân bố dân cư và giao thông để lập phương án sắp xếp, ghép trường, lớp (các điểm lẻ) đảm bảo công khai, minh bạch.

b) Xác định lộ trình thực hiện xây dựng đầu tư, ưu tiên mô hình bán trú tại điểm xa phù hợp điều kiện từng trường, tâm lý phụ huynh học sinh, người dân tộc thiểu số.

c) Triển khai xây mới Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đắc Mai (xã Bù Gia Mập) đáp ứng nhu cầu học tập con em xã Bù Gia Mập và đạt trường chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2026 - 2030.

¹⁵ Theo Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định “Mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên”.

¹⁶ Tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập). Năm 2024, tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi 15 - 60 tuổi đạt 97,3%; tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi 15 - 60 tuổi ở xã vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS 83, 45%.

d) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, giải phóng mặt bằng bố trí quỹ đất dành cho giáo dục, trong đó ưu tiên quy hoạch đất để xây dựng ít nhất 01 trường nội trú liên cấp tiểu học - trung học cơ sở tại mỗi xã biên giới với diện tích tối thiểu 05 - 10ha/trường.

3. Phát triển, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Rà soát, bố trí đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo từng cấp học để đảm bảo tổ chức bán trú, dạy học 02 buổi/ngày và thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đặc biệt giáo viên Tiếng Anh, Tin học cấp tiểu học; bổ sung đội ngũ giáo viên dạy nghề đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, định hướng nghề nghiệp của vùng biên giới.

b) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, năng lực dạy học thực hành, ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cấp học.

4. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ

a) Rà soát việc thực hiện các chế độ chính sách vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù thu hút giáo viên về công tác tại các xã biên giới.

c) Xây dựng chế độ chính sách nội trú/bán trú cho trẻ em và học sinh phù hợp điều kiện của tỉnh.

5. Triển khai hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp; nâng cao toàn diện chất lượng các cấp học

a) Cử công chức hỗ trợ cho các xã về quản lý chuyên môn các cấp học; tổ chức tập huấn chuyên sâu cho công chức xã; đầu tư trang bị dụng cụ đồ chơi, thiết bị thí nghiệm cơ bản theo chuẩn tối thiểu, xây dựng chương trình hỗ trợ về dinh dưỡng, sức khỏe, văn hóa và ngoại ngữ cơ bản; đánh giá kiểm định chất lượng hàng năm và theo chu kỳ.

b) Chỉ đạo các nhà trường và giáo viên tổ chức dạy học tích cực, linh hoạt, đánh giá năng lực học sinh và điều chỉnh nội dung phù hợp đặc thù vùng biên giới; tổ chức tập huấn phương pháp dạy học tích cực, áp dụng đánh giá định kỳ theo chuẩn năng lực, kết quả đánh giá làm cơ sở phân luồng, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

c) Tổ chức đào tạo tại chỗ, mở lớp đào tạo nghề ngắn hạn ngay tại xã; xây dựng chương trình linh hoạt, đặc thù phù hợp thể mạnh phát triển kinh tế - xã hội của từng xã biên giới.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp xã và các nhà trường; triển khai quản lý trường học trên nền tảng công nghệ số (quản lý học tập điện tử; triển khai hệ thống báo cáo điện tử;...).

7. Phân luồng và định hướng nghề nghiệp

a) Xây dựng và triển khai công tác phân luồng tư vấn nghề nghiệp kịp thời cho học sinh và phụ huynh. Công tác triển khai phải đa dạng hình thức, phong phú về nội dung và đảm bảo chất lượng hiệu quả. Học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông có thể được đào tạo nghề tại địa phương.

b) Tổ chức tư vấn nghề nghiệp định kỳ (hội thảo, ngành nghề, tham quan doanh nghiệp), hợp tác mở lớp ngắn hạn đào tạo nghề phù hợp với đặc thù vùng biên giới; liên kết với cơ sở dạy nghề để công nhận tín chỉ, hỗ trợ học bổng cho học sinh theo hướng nghề nghiệp. Học viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng việc làm và được bố trí làm việc tại địa phương, có thu nhập ổn định.

8. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và lãnh đạo các cấp, các ngành hiểu rõ về ý nghĩa, tầm quan trọng đầu tư xây dựng các trường học nội trú/bán trú tại các xã biên giới nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần củng cố quốc phòng an ninh.

b) Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng, phát triển hệ thống các trường nội trú/bán trú, đa dạng hóa các loại hình giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2025 - 2030, TẦM NHÌN NĂM 2045

1. Giai đoạn 1: Chuẩn bị, xây dựng Đề án và lập kế hoạch năm 2025. Hoàn thành trước 31/12/2025.

a) Khảo sát thực địa các trường (diện tích, điểm chính, điểm lẻ) tại 08 xã biên giới, thiết kế mô hình trường bán trú; lập phương án hạ tầng về công nghệ thông tin; khái toán kinh phí cho từng năm, giai đoạn.

b) Rà soát bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên còn thiếu đảm bảo đủ biên chế theo quy định và đảm bảo tổ chức dạy 02 buổi/ngày.

c) Đầu tư sửa chữa, xây dựng các hạng mục công trình cho 09 trường học (trong đó 01 Trường đã khởi công và 08 trường còn lại sẽ khởi công năm 2025)¹⁷.

2. Giai đoạn 2: Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các trường còn lại.

a) Năm 2026: Triển khai xây dựng trường bán trú còn lại; lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin; tổ chức tập huấn chuyên môn và ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ công chức cấp xã, đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo.

b) Đầu năm 2027: Hoàn thành xây dựng, nghiệm thu và đưa vào vận hành các trường bán trú; hoàn tất các quy chế quản lý, chế độ chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, trẻ em, học sinh.

¹⁷ Ngày 17/8/2025, đã khởi công xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Thịnh, xã Lộc Thành.

- Các trường dự kiến khởi công trong năm 2025: (1) Trường Tiểu học Lộc Tấn A, xã Lộc Tấn; (2) Trường Tiểu học Lộc Tấn B, xã Lộc Tấn; (3) Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Thiện, xã Lộc Thành; (4) Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Thành, xã Lộc Thành; (5) Trường Tiểu học Tân Thành A, xã Tân Tiến; (6) Trường Tiểu học Thiện Hưng A, xã Thiện Hưng; (7) Trường Tiểu học Thanh Bình B, xã Thiện Hưng; (8) Trường Trung học cơ sở Đắk Ô, xã Đắk Ô.

c) Hoàn thành quy hoạch, giải phóng mặt bằng bố trí quỹ đất dành cho giáo dục, trong đó bố trí quỹ đất xây dựng trường nội trú/bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở.

3. Giai đoạn 3: Sơ kết giai đoạn 2025 - 2027, mở rộng mô hình trường bán trú.

a) Năm học 2028 - 2029: Mở rộng mô hình bán trú theo lộ trình; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; nhân rộng chương trình dạy nghề thực hành; tiếp tục tập huấn chuyên môn cho cán bộ quản lý và giáo viên.

b) Năm 2030: Đánh giá tổng thể toàn diện Đề án; lập kế hoạch giai đoạn 2031 - 2045.

4. Định hướng năm 2045: Tiếp tục, đầu tư, phát triển xây dựng hệ thống giáo dục vùng biên giới bền vững (trong đó xây dựng trường nội trú liên cấp tiểu học, trung học cơ sở), kết hợp giáo dục phổ thông với kỹ năng nghề phù hợp địa phương; đạt mức chuẩn cơ sở vật chất và năng lực giáo viên tương đương với khu vực; chuyển đổi số toàn diện trong quản lý và dạy học; đảm bảo tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình các cấp học và có định hướng nghề nghiệp phù hợp. Sinh viên được đào tạo tại địa phương và tốt nghiệp ra trường đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

V. NHU CẦU KINH PHÍ, NGUỒN VỐN VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN

1. Kinh phí khái toán: 1.194,403 tỷ đồng. Trong đó:

a) Giáo dục phổ thông công lập: 966,870 tỷ đồng;

b) Giáo dục mầm non công lập: 227,533 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách; nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

3. Phân kỳ kinh phí thực hiện Đề án

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

STT	Năm	Tổng kinh phí	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Trong đó		Nguồn hợp pháp khác
					Nguồn vốn đầu tư công	Nguồn vốn sự nghiệp	
1	Năm 2025	100	0	100	0	100	0
2	Năm 2026	700	0	700	500	200	0
3	Năm 2027	394,403	0	394,403	337,547	56,856	0
	Tổng	1.194,403	0	1.194,403	837,547	356,856	0

a) Kèm theo tổng hợp nhu cầu kinh phí và chi tiết mạng lưới trường, lớp (Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục VII, Phụ lục VIII).

b) Các trường có khái toán nhu cầu kinh phí nhỏ hơn 20 tỷ đồng thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp; các trường có khái toán nhu cầu kinh phí từ 20 tỷ đồng trở lên thực hiện từ nguồn vốn đầu tư công.

c) Tỷ lệ nguồn kinh phí thực hiện đề án: Nguồn vốn sự nghiệp là 29,88%; nguồn vốn đầu tư công là 70,12%.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Là cơ quan thường trực, chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án đầu tư, phát triển toàn diện chất lượng dạy và học tại 08 xã biên giới trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

2. Chủ trì, hướng dẫn toàn diện chuyên môn cho các cấp học; ban hành hướng dẫn triển khai Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp cho các xã biên giới; xây dựng tiêu chí bán trú/nội trú; tổ chức tập huấn, kiểm tra chuyên đề và xây dựng ngân hàng đề kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực; chỉ đạo triển khai quản lý trường học điện tử và hệ thống đánh giá năng lực; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao năng lực dạy thực hành, ứng dụng công nghệ mới.

3. Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các xã rà soát nhu cầu biên chế còn thiếu, cần bổ sung, xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của tỉnh hoặc cân đối trong tổng số biên chế viên chức được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ để bố trí số lượng cần thiết. Đồng thời, phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ biên chế trong chỉ tiêu biên chế được Trung ương giao đảm bảo theo quy định; trong trường hợp thật sự cần thiết, nghiên cứu, xây dựng chính sách chế độ thu hút, giữ chân giáo viên giỏi, ưu tiên người địa phương hoặc có cam kết công tác lâu dài tại vùng biên giới; thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho học sinh, học viên thuộc diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định hiện hành.

4. Rà soát, đề xuất bổ sung thiết bị dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và thiết bị dạy học đối với giáo dục nghề nghiệp.

5. Chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã về công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra.

6. Chỉ đạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo tại chỗ, mở lớp ngắn hạn; ứng dụng công nghệ số, đào tạo kỹ năng số, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc; xây dựng chương trình đào tạo mô-đun ngắn hạn phù hợp mùa vụ và thế mạnh địa phương; đẩy mạnh kết nối doanh nghiệp hỗ trợ tài chính, thiết bị; triển khai cơ chế “04 nhà” (Nhà nước - Nhà trường - nhà doanh nghiệp - nhà cộng đồng); khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, tiếp nhận thực tập, ưu tiên tuyển dụng tại chỗ; phối hợp các tổ chức xã hội, đoàn thể tư vấn, định hướng nghề nghiệp và huy động nguồn lực cho giáo dục nghề nghiệp vùng biên giới.

7. Xây dựng cơ chế huy động xã hội hóa, hướng dẫn quản lý tài chính, tài sản đối với các nguồn vốn được huy động đảm bảo đúng và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

8. Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án và tham mưu, đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. Sở Nội vụ

1. Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các xã rà soát nhu cầu biên chế giáo viên, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung theo quy định.

2. Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

III. Sở Tài chính

1. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện các hạng mục thiết yếu cần thiết phục vụ công tác giảng, dạy (cơ sở vật chất, công nghệ thông tin, đào tạo) và các chế độ chính sách đối với giáo viên tại 08 xã biên giới trên địa bàn tỉnh theo đúng phân cấp quản lý ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định hiện hành.

2. Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030, khả năng đối vốn của ngân sách, Sở Tài chính phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện đầu tư xây dựng các trường tại 08 xã biên giới trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác liên quan.

IV. Sở Xây dựng

1. Phối hợp cho ý kiến về quy hoạch trường nội trú, bán trú, ký túc xá học sinh, nhà công vụ cho giáo viên theo lộ trình của Đề án và đề nghị của Ủy ban nhân dân các xã.

2. Phối hợp Ủy ban nhân dân các xã trong đầu tư hệ thống giao thông đảm bảo điều kiện thuận lợi đi lại cho người dân đưa đón con em đến trường, việc di chuyển giáo viên và học sinh từ điểm chính đến điểm lẻ.

V. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng phương án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin về khoa học và công nghệ, triển khai các ứng dụng số, phần mềm trong giảng dạy, truy xuất nguồn gốc đảm bảo an toàn thông tin và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Đồng Nai.

2. Đảm bảo hạ tầng viễn thông, đường truyền internet, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các nền tảng số và công cụ phục vụ đào tạo, giảng dạy trực tuyến khi có thiên tai, dịch bệnh.

3. Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên đề nhằm nâng cao năng lực chuyển đổi số và phổ cập kiến thức, kỹ năng cơ bản cho cán bộ công chức các xã, cán bộ quản lý và giáo viên.

VI. Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát phát triển hệ thống hoạt động thương mại và lưu thông hàng hóa và định hướng về nhu cầu nhân lực tại vùng biên giới.

2. Kết nối các doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics, thương mại biên giới với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tiếp nhận thực tập, tuyển dụng lao động.

3. Phát triển thương mại và hạ tầng thương mại vùng biên giới gắn với quy hoạch phát triển chung của tỉnh để tạo sự đột phá theo hướng đa dạng về loại hình thương mại.

VII. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Hỗ trợ xây dựng chương trình hoạt động ngoại khóa, thể thao và bảo tồn văn hóa địa phương; phối hợp triển khai hoạt động trải nghiệm, rèn luyện thể chất và kết nối cộng đồng góp phần xây dựng môi trường học đường lành mạnh, thân thiện.

2. Lồng ghép các chương trình, các dự án về văn hóa thể thao và du lịch với mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông.

VIII. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tham mưu, cập nhật, bổ sung quy hoạch đất cơ sở giáo dục và đào tạo đối với các dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương, các dự án theo đề xuất của ngành giáo dục và các ngành có liên quan trong kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

2. Tham mưu, hướng dẫn các chính sách về đất đai và thủ tục hành chính về đất đai để đảm bảo triển khai thực hiện theo đúng quy định.

3. Hỗ trợ địa phương về quy hoạch đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường học để xây dựng trường học bán trú/nội trú, trường học đạt chuẩn quốc gia.

IX. Sở Dân tộc và Tôn giáo

1. Tham mưu các chính sách, chế độ đặc thù đối với học sinh dân tộc thiểu số; tuyên truyền vận động trẻ em, học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi, hoàn thành chương trình các cấp học, hạn chế học sinh bỏ học.

2. Phối hợp hỗ trợ biên soạn/tùy chỉnh tài liệu giảng dạy chương trình song ngữ nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong nhà trường; vận động cộng đồng dân tộc, tôn giáo có uy tín tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục, góp ý địa nội dung chương trình liên quan chính sách dân tộc và tôn giáo; ưu tiên lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia đối với trường học vùng biên giới.

X. Công an tỉnh

1. Chủ động nắm tình hình, kịp thời tham mưu, triển khai phương án bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xử lý các hành vi vi phạm trong suốt quá trình triển khai thực hiện Đề án.

2. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh biên giới, trật tự an toàn giao thông, phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội đối với toàn thể giáo viên, học sinh; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc vững mạnh trong các trường thuộc xã biên giới.

XI. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chỉ đạo Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp chính quyền địa phương, công an và các lực lượng liên quan giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn tại khu xây dựng trường học. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, kịp thời ngăn chặn, xử lý các tình huống phức tạp có thể phát sinh. Kịp thời tham mưu, đề xuất giải quyết tình hình liên quan theo thẩm quyền, huy động nguồn lực giúp đỡ học sinh hoặc giáo viên có hoàn cảnh khó khăn tại các xã biên giới.

XII. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai Đề án, đặc biệt về tiến độ đầu tư cơ sở vật chất, chính sách cho giáo viên - học sinh, hiệu quả đào tạo nghề.

2. Vận động nguồn lực xã hội hóa, doanh nghiệp, cộng đồng cùng tham gia hỗ trợ giáo dục vùng biên giới.

XIII. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

XIV. Ủy ban nhân dân các xã biên giới: Lộc Thành, Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Tân Tiến, Thiện Hưng, Hưng Phước, Đắk O, Bù Gia Mập

1. Theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

2. Chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành liên quan bổ sung quy hoạch quỹ đất dành cho giáo dục trong quy hoạch chung của tỉnh; ưu tiên bố trí đất công, trụ sở cũ dôi dư sau sắp xếp để xây dựng trường học nội trú/bán trú phù hợp điều kiện, địa bàn dân cư; bố trí các nhà văn hóa, các trung tâm học tập cộng đồng để làm nơi tổ chức hoạt động dạy nghề ngắn hạn hoặc các lớp kỹ năng công nghệ cao cho người dân trên địa bàn.

3. Kiện toàn trung tâm học tập cộng đồng cấp xã, chỉ đạo quản lý đảm bảo các Trung tâm tổ chức hoạt động hiệu quả đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, học tập suốt đời của người dân góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn.

4. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc xây dựng kế hoạch và giải pháp phù hợp nhằm nâng cao toàn diện chất lượng dạy và học tại các xã biên giới.

5. Quản lý chặt chẽ việc tổ chức dạy thêm, học thêm trên địa bàn; kịp thời chấn chỉnh xử lý các trường hợp dạy thêm không đúng quy định, đảm bảo việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường đạt chất lượng hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

6. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các đợt tuyên truyền trên địa bàn về tầm quan trọng của giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt gắn với cơ hội việc làm tại chỗ. Cập nhật thông tin về các chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho học sinh, học viên thuộc diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định hiện hành đến người dân trên địa bàn biết tham gia học nghề.

7. Phối hợp cùng cơ sở giáo dục tổ chức tham quan, trải nghiệm thực tế sản xuất, chế biến, ứng dụng công nghệ và đồng hành cùng các hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm nghề cho học sinh; khuyến khích và hỗ trợ thanh niên, nông dân trẻ học tập nghề nghiệp liên quan đến công nghệ cao, ứng dụng công nghệ vào nông nghiệp, logistics địa phương, sản xuất sạch.

8. Thống kê nhu cầu học nghề của học sinh và người lao động tại địa phương; đề xuất các chỉ tiêu đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng số và hỗ trợ học tập cho người dân trên địa bàn.

9. Hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án và đề xuất các giải pháp thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo.

XV. Các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn các xã biên giới

1. Rà soát cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí, điều động đảm bảo thực hiện nội dung chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp và trường đạt chuẩn quốc gia.

2. Xây dựng, tổ chức và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp điều kiện từng trường, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng giáo dục của nhà trường trước cơ quan quản lý.

3. Tăng cường trao đổi chuyên môn liên cụm, liên trường vận dụng các giải pháp hay, mô hình mới vào thực tiễn nhà trường. Tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy, Ban Giám hiệu nhà trường đối với các hoạt động chuyên môn trong nhà trường.

4. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, kỹ năng nghề theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực của người học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số toàn diện trong dạy và học.

5. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động của thị trường lao động tại các xã biên giới, cập nhật, cải tiến, liên kết phối hợp xây dựng chương trình đào tạo gắn với thực tiễn sử dụng lao động của doanh nghiệp để đem lại cho người học những kỹ năng yêu cầu công việc; chủ động liên kết đào tạo dài hạn với các trường nghề trong và ngoài tỉnh./.